

Số: /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 25/VB-CTHM ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Công ty TNHH Khu du lịch Hoàn Mỹ về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo và đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Khu du lịch Hòn Cò - Cà Ná và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 172/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Khu du lịch Hoàn Mỹ, địa chỉ tại đường Yên Ninh, phường Mỹ Bình, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khu du lịch Hòn Cò - Cà Ná tại xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu du lịch Hòn Cò - Cà Ná.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp số 4500272030 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09 tháng 11 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 4500272030.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu du lịch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

- Diện tích: 22.813 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất:

+ Số phòng nghỉ: 99 phòng.

+ Nhà hàng: 02 nhà hàng với tổng sức chứa tối đa 1.300 chỗ.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ khác như: nhà bán hàng lưu niệm, hồ bơi, các công trình xử lý chất thải, đường nội bộ,...

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Khu du lịch Hoàn Mỹ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Khu du lịch Hoàn Mỹ có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Mười (10) năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Thuận Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Chủ dự án (3b);
- Các Sở: NNMT, XD, VHTTDL;
- UBND huyện Thuận Nam;
- UBND xã Cà Ná;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. TL

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vực lưu trú (nhà lữ hành, khu Deluxe, khu Standard, khu Suite và khối khách sạn).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà hàng Núi Nhạn và nhà hàng Hải Âu 1 và 2.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khách vắng lai và nhân viên.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng số 01: Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 20 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị cột B) được dẫn về 02 bể chứa có dung tích 40 m³ (01 bể chứa có dung tích 30 m³ và 01 bể có dung tích 10 m³) để tận dụng cho các hoạt động trong khuôn viên của Dự án.
- Dòng số 02: Nước thải phát sinh từ nguồn số 02 và 03 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 10 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị cột B), vào mùa khô, nước thải sau xử lý được dẫn về bể chứa có dung tích 30 m³ để tận dụng cho các hoạt động trong khuôn viên của Dự án và vào mùa mưa, nước thải sau xử lý được xả ra biển Cà Ná.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dòng số 01:
 - + Tại bể chứa nước thải sau xử lý thuộc thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1253428; Y = 567852 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 180⁰15', múi chiếu 3⁰).
- Dòng số 02:
 - + Vị trí xả thải vào mùa khô: Tại bể chứa nước thải sau xử lý thuộc thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận; Tọa độ: X = 1253428; Y = 567852 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 180⁰15', múi chiếu 3⁰).

+ Vị trí xả thải vào mùa mưa: Tại miệng ống xả nước thải ra biển thuộc thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận; Tọa độ: X = 1253347; Y = 567865 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $180^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

Điểm xả nước thải sau xử lý phải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát nguồn thải.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $26 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $1,083 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ được dẫn bằng đường ống về 02 bể chứa có tổng dung tích 40 m^3 theo phương thức tự chảy.

- Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ được dẫn về bể chứa có dung tích 30 m^3 (vào mùa khô) theo phương thức tự chảy và xả ra biển Cà Ná (vào mùa mưa) theo phương thức tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số $k = 1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT, (cột B, $k = 1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT, (cột B, k = 1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vực lưu trú được thu gom về 08 bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về bể thu gom 8,0 m³ trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà hàng Núi Nhạn, nhà hàng Hải Âu 1 và 2 được thu gom về bể tách mỡ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khách vãng lai và công nhân viên được thu gom về 02 bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 10 bể tự hoại 03 ngăn (kích thước mỗi bể là 2 m x 3 m x 1,5 m).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại → 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án.

1.2.2. Bể tách mỡ:

- Số lượng: 01 bể (kích thước 2 m x 1 m x 1,5 m).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các nhà hàng → bể tách mỡ → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày đêm.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Số lượng: 02 hệ thống (01 hệ thống có công suất 20 m³/ngày đêm và 01 hệ thống có công suất 10 m³/ngày đêm).

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày đêm: Nước thải → bể tự hoại → bể thu gom 8,0 m³ → hố thu → bể điều hòa → bể Anoxic → bể Aerotank → bể lắng → thiết bị khử trùng → bể chứa để tận dụng trong khuôn viên Dự án. Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày đêm: Nước thải → bể tách mỡ → bể gạn mỡ (02 bể) → bể điều hòa → bể hiếu khí → bể thiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → bể chứa (vào mùa khô) để tạm dụng trong khuôn viên Dự án và thải ra biển (vào mùa mưa). Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine bột, than hoạt tính, bê tông cốt thép, thép không gỉ SUS 304, nhựa HDPE.

1.2.4. Hệ thống xử lý nước hồ bơi:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước hồ bơi → bộ lọc → máy cấp nhiệt → khử trùng → hồ bơi.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine bột.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phân công và bố trí nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt và ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành vào sổ nhật ký vận hành.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước thải; định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước thải để tăng khả năng thoát nước thải.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của các công trình xử lý nước thải tập trung.

- Bố trí 02 bồn chứa bằng nhựa có dung tích 20 m³/01 bồn để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 20/5/2025 đến ngày 20/7/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày đêm và 20 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 04 vị trí.

- Vị trí lấy mẫu đầu vào (02 vị trí): tại bể gom chứa nước thải đầu vào của mỗi công trình xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm và công trình xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra (02 vị trí): tại 02 vị trí nước thải đầu ra (sau khử trùng) của mỗi công trình xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm và công trình xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm trước khi dẫn vào bể chứa nước thải sau xử lý có dung tích 30 m³.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.6 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đầy đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải; hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường đã được cấp thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Công ty TNHH Khu du lịch Hoàn Mỹ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	2
2	Các loại pin, ắc quy thải	19 06 05	Rắn	4
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	33
Tổng cộng				39

1.2. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	4
2	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	6
Tổng cộng				10

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: bùn thải phát sinh từ các hệ thống xử lý nước thải với khối lượng khoảng 30 kg bùn khô/năm.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn và các loại khác với khối lượng khoảng 1.410 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa: tường xây bằng gạch, mái lợp tôn, nền xi măng chống thấm và có gờ ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây).

- Diện tích khu vực lưu chứa: 4,0 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thu gom vào các thùng nhựa có nắp đậy, sau đó tập trung tại khu vực tập kết ở phía Nam Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực lưu chứa: thu gom vào các thùng nhựa có nắp đậy, sau đó tập trung tại khu vực tập kết ở phía Nam Dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Diện tích khu vực lưu chứa: 6,0 m².

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường: các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung

phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn về đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các hạng mục công trình cho toàn bộ Dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại, bố trí khu lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

3. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường; khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giao thông và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.